

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2025/DS-PT
Ngày: 08-7-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Văn Nam.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST, ngày 11-03-2025 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh) có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2025/QĐXX-PT, ngày 12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1976; trú tại: Số C, đường N, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1988; trú tại: Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Minh H1, sinh năm 1981 trú tại: Số A, đường C, tổ B, đường N, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh), có mặt.

Bà Phạm Thị Nhã P, sinh năm 1982, trú tại: Hẻm F, số C đường N, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh), có mặt.

Người kháng cáo: ông Huỳnh Minh H1 là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Mạnh H trình bày:

Ông Phạm Quốc T là anh ruột của bà Phạm Thị Nhã P, có cho vợ chồng bà P vay nhiều lần tiền, mỗi khi bà P cần tiền thì ông chuyển khoản từ ngày 20/4/2022 đến ngày 16/6/2024, tổng tiền là 2.919.100.000 đồng.

Cuối tháng 6/2024, ông T yêu cầu bà P trả cho ông số tiền nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả; tất cả các khoản nợ đều chuyển khoản cho bà P.

Nay ông T yêu cầu vợ chồng bà P, ông H1 trả cho ông số tiền vốn còn nợ là 2.919.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi theo quy định.

Bị đơn bà Phạm Thị Nhã P trình bày:

Ông T là anh ruột của bà, ông T thứ ba, bà là em út.

Gia đình bà làm nhiều việc, bản thân bà buôn bán, ông Huỳnh Minh H1 (chồng bà) kinh doanh, thuê đất trồng mì, trong quá trình chung sống ông bà cần tiền để lo cho gia đình, thiếu tiền mua phân bón, thiếu tiền xây nhà nên ông bà có hỏi mượn tiền, xưa giờ ông T cho mượn tiền không có tính lãi suất.

Nay bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông T, đồng ý trả tiền nợ theo yêu cầu của ông T.

Bị đơn ông Huỳnh Minh H1 trình bày:

Ông T là anh vợ, từ trước đến nay ông chưa từng vay mượn tiền của ông T. Bà P không có báo cho ông biết việc vay mượn này của bà P. Hiện ông đang làm rẫy trồng mì trên T, ông và bà P đã ly hôn, tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đầu năm 2024, vợ chồng ông bán 01 phần đất ở T giá 01 tỷ đồng, ông giao hết tiền cho bà P để bổ sung vốn mua bán tiệm điện (hiện bà P đang bán hàng), nhưng nay ông thấy trong tiệm không còn hàng giá trị.

Tài sản vợ chồng tự phân chia trước ly hôn. Việc ông T cho bà P vay tiền nhưng không báo cho ông biết nên ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST, ngày 11-3-2025 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh) quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quốc T đối với ông Huỳnh Minh H1, bà Phạm Thị Nhã P.

Buộc ông Huỳnh Minh H1, bà Phạm Thị Nhã P phải trả cho ông Phạm Quốc T số tiền vốn vay còn nợ là 2.919.100.000 (Hai tỷ, chín trăm, mười chín triệu, một trăm nghìn) đồng. Ghi nhận ông T không yêu cầu tính lãi theo quy định.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/3/2025, ông Huỳnh Minh H1 làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận buộc ông liên đới cùng bà P trả tiền cho ông Phạm Quốc T với lý do ông không có mượn khoản tiền nào từ ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà P yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Minh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 11/3/2025 Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh) xét xử sơ thẩm vụ kiện, ngày 28/3/2025 ông Huỳnh Minh H1 làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, ông H1 kháng cáo trong hạn luật định, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Từ ngày 20/4/2022 đến ngày 16/6/2024, ông T cho bà P vay (mượn) tiền nhiều lần bằng hình thức chuyển vào tài khoản của P tổng số tiền là 2.919.100.000 đồng. Ông T yêu cầu vợ chồng bà P, ông H1 trả cho ông số tiền vốn còn nợ là 2.919.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi theo quy định.

Bà Phạm Thị Nhã P xác định có vay (mượn) tiền và còn nợ ông T là 2.919.100.000 đồng, mục đích vay tiền là để lo cho gia đình, mua phân bón, trả tiền xây nhà,...

Ông Huỳnh Minh H1 cho rằng ông không vay, mượn tiền của ông T việc bà P mượn tiền của ông T trong thời gian vợ chồng ông và bà P sống ly thân, bà P và ông T đều không báo cho ông biết. Bà P nói mượn tiền để lo cho gia đình, mua phân bón, trả tiền xây nhà là không đúng, vì nhà xây xong trong năm 2021, vợ chồng có cửa hàng bán hàng điện, có xe ô tô đưa rước công nhân thu nhập hàng tháng trên 50 triệu đồng, ông trồng mì (khoai sắn) không có lấy tiền từ bà P. Do vậy, đây là nợ riêng của bà P nên ông không đồng ý trả.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H1 thấy rằng: Số tiền 2.919.100.000 đồng bà P vay (mượn) của ông T là trong thời kỳ hôn nhân của ông H1- bà P mặc dù ông bà đều xác định là thời gian sống ly thân.

Việc ông H1 cho rằng không biết bà P vay (mượn) của ông T số tiền trên là có căn cứ vì bà P, ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông H1 biết bà P vay ông T số tiền trên.

Về việc bà P cho rằng vay tiền để mua phân bón cho ông H1 trồng khoai mì (sắn), trả tiền xây nhà nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Mặt khác, việc trồng khoai mì (sắn) phải theo thời vụ và xây nhà có thời gian qua xem xét chứng cứ ông T cung cấp thì từ tháng 4/2022 đến tháng 6/2024 thì tháng nào ông T cũng chuyển tiền cho bà P từ vài chục triệu đến hàng trăm triệu là không phù hợp với mục đích sử dụng tiền mà bà P nêu. Xét thấy số tiền 2.919.100.000 đồng là rất lớn so với nhu cầu thiết yếu của một gia đình thông thường nên không thể coi khoản vay nợ này là nợ chung của vợ chồng để buộc ông H1 có trách nhiệm liên đới đối với khoản vay này.

[4] Do vậy, kháng cáo của ông H1 là có cơ sở chấp nhận, đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa không cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự phải chịu án phí theo quy định, cụ thể:

Án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Nhã P phải chịu 90.382.000 đồng.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông H1 không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Minh H1;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST, ngày 11-3-2025 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh).

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quốc T đối với ông Huỳnh Minh H1, bà Phạm Thị Nhã P.

Buộc bà Phạm Thị Nhã P phải trả cho ông Phạm Quốc T số tiền vốn vay còn nợ là 2.919.100.000 (Hai tỷ, chín trăm, mười chín triệu, một trăm nghìn) đồng. Ghi nhận ông T không yêu cầu tính lãi theo quy định.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Quốc T về việc yêu cầu ông Huỳnh Minh H1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà Phạm Thị Nhã P trả số tiền vốn vay còn nợ là 2.919.100.000 đồng.

2. Kể từ ngày ông Phạm Quốc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Nhã P không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Phạm Thị Nhã P còn phải trả cho ông T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Nhã P phải chịu 90.382.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Phạm Quốc T số tiền 45.191.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011706 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi Cục Thi

hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Tây Ninh).

Án phí phúc thẩm: Ông H1 không phải chịu, hoàn trả cho ông H1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0008474 ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Tây Ninh).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND khu vực 10-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Hữu Chiến